Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: SỞ LAO ĐỘNG - TB VÀ XH
Chương: 424

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 07 tháng 7 năm 2023.

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Sở LĐ - TB&XH công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Thực hiện Quý II năm 2022	Dự toán năm 2023 (kể cả năm trước chuyển sang)	Thực hiện Quý II năm 2023	UTH quý này/Dự toán (tỷ lệ %)	UTH quý này so với Cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
1	Số thu phí, lệ phí	81,15	213,00	90,30	42,39	94,81
1.1	Lệ phí	81,15	213,00	90,30	42,39	94,81
1.1.1	Lệ phí cấp GPLĐNNN	81,15	*180,00*	90,30	*50*	*111*
1.1.2	Lệ phí tuyển sinh	0,00	33,00	0,00	0,00	*0*
	Trường TC KTKTTN	0	*33,00*	*0,00*	*0*	*0*
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
	Trường TC nghề KVNTN					
	Trường TC KTKTTN					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
2.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
3.1	Lệ phí	*81,15*	*213,00*	*90,30*	42,39	94,81
3.1.1	Lệ phí cấp GPLĐNNN	81,15	*180,00*	90,30	50,17	96,66
3.1.2	Lệ phí tuyển sinh	0,00	33,00	0,00	0,00	*0*
	Trường TC KTKTTN	0	33,00	0,00	*0*	*0*
3.2	Phí					
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**65.107,45**	**133.215,98**	**57.270,55**	*43*	*88*
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**65.107,45**	**133.215,98**	**57.270,55**	*43*	*88*
1	**Chi quản lý hành chính**	**3.897,30**	**8.494,41**	**4.005,27**	*47*	*103*
1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**3100,1**	**6769,00**	**3331,9**	*49*	*107*
	VP Sở	3.100,10	6.769,00	3.331,90	*49*	*107*

Số TT	Nội dung	Thực hiện Quý II năm 2022	Dự toán năm 2023 (kể cả năm trước chuyển sang)	Thực hiện Quý II năm 2023	UTH quý này/Dự toán (tỷ lệ %)	UTH quý này so với Cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**797,20**	**1.725,41**	**673,37**	*39*	*84*
	VP Sở	243,7	1.360,04	308,00	*23*	*126*
	Hội người mù	269,70	117,98	117,98	*100*	*44*
	Hội người tù kháng chiến	85,70	87,45	87,45	*100*	*102*
	Hội Bảo trợ NKT và BVQTE	107,00	69,24	69,24	*100*	*65*
	Câu lạc bộ Hưu trí	91,10	90,70	90,70	*100*	*100*
2	**Nghiên cứu khoa học**					
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**13.692,87**	**42.878,00**	**16.240,02**	*38*	*119*
3.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**13.692,87**	**42.878,00**	**16.240,02**	*38*	*119*
3.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**5.894,80**	**13.860,00**	**5.969,19**	*43*	*101*
	Trường TC KTKTTN	4.266,00	9.129,00	*4.127,00*	*45*	*97*
	Trung tâm NDTKT	308,38	1.160,00	*484,56*	*42*	*157*
	Cơ sở CNMT	1.320,42	3.571,00	*1.357,63*	*38*	*103*
3.1.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**7.798,07**	**29.018,00**	**10.270,83**	*35*	*132*
	VP Sở	0	236,00	*0,00*	*0*	*0*
	Trường TC KTKTTN	3677	6.652,00	*5.293,00*	*80*	*0*
	Trung tâm NDTKT	497,47	2.659,00	*516,53*	*19*	*104*
	Cơ sở CNMT	3.623,60	19.471,00	*4.461,30*	*23*	*123*
3.2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**					
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**					
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**47.517,28**	**68.637,41**	**36.769,26**	*54*	*77*
5.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**47.517,28**	**68.637,41**	**36.769,26**	*54*	*77*
5.1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**599,80**	**1.994,00**	**992,55**	*50*	*165*
	Trung tâm BTXH	599,8	1.994,00	*992,55*	*50*	*165*
5.1.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**46.917,48**	**66.643,41**	**35.776,71**	*54*	*76*
	VP Sở	45.295,60	61.224,01	*33.012,30*	*54*	*73*
	Hội người mù	2,00	3,50	3,50	*100*	*175*
	Câu lạc bộ Hưu trí	0,5	0,70	0,70	*100*	*140*
	Hội Bảo trợ NKT và BVQTE	0,5	0,70	0,70	*100*	*140*
	Trung tâm BTXH	1509,88	5.266,10	*2.611,11*	*49,58*	*172,93*
	Trung tâm DVVL	30,5	48,30	*48,30*	*100*	*158*
	Trung tâm NDTKT	10	14,00	*14,00*	*100*	*140*
	Cơ sở CNMT	31	38,50	*38,50*	*100*	*124*
	Trường TC KTKTTN	37,5	47,60	*47,60*	*100*	*127*
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	184,00	0	0	0

Số TT	Nội dung	Thực hiện Quý II năm 2022	Dự toán năm 2023 (kể cả năm trước chuyển sang)	Thực hiện Quý II năm 2023	UTH quý này/Dự toán (tỷ lệ %)	UTH quý này so với Cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	VP Sở (Truyền thông về giảm nghèo)	0	184,00	*0*	*0*	*0*
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	**Chi Chương trình mục tiêu**	**0,00**	**13.206,16**	**256,00**	*0*	*0*
11,1	**Chi Chương trình mục tiêu quốc gia**	**0,00**	**13.006,16**	**236,00**	*0*	*0*
	CTMTQG Giảm nghèo	**0**	**12904,14**	**236**	***0***	***0***
	VP Sở	0	11.225,50	*236,00*	*0*	*0*
	TTDVVL	0	1.678,64	*0,00*	*0*	*0*
	CTMTQG Xây dựng NTM (VP Sở)	**0**	**102,02**	***0,00***	***0***	***0***
11,2	**Chi Chương trình mục tiêu**	***0,00***	***200,00***	***20,00***	*0*	*0*
	Chương trình trợ giúp XH và PHCN	***0,00***	***200,00***	***20,00***	*0*	*0*
	VP Sở	0	*200,00*	20,00	*0*	*0*
II	**Nguồn vốn viện trợ**					
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**					

Ngày 07 tháng 7 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỈNH TÂY NINH

Trần Thị Lan